

NÂNG CAO PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC THÔNG QUА CẢI THIỆN KỸ NĂNG QUẢN TRỊ THỜI GIAN CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

ENHANCING STUDENTS' SELF-STUDY METHOD BY IMPROVING THEIR TIME MANAGEMENT SKILLS: A CASE STUDY AT HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Vũ Thị Thanh Bình^{1*}

TÓM TẮT

Trên thế giới, phương pháp tự học được áp dụng phổ biến trong hoạt động giảng dạy trình độ đại học. Nghiên cứu này tập trung vào kỹ năng quản trị thời gian, sự phân bổ thời gian của sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội (HaUI) dành cho các hoạt động trong ngày và đặc biệt là thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu khảo sát với một mẫu gồm 300 sinh viên đã cho thấy, sinh viên hiện dành ít thời gian cho việc tự học, thời gian chủ yếu là học chính khóa trên lớp và thời gian còn lại dành cho các nhu cầu giải trí. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng phương pháp tự học cho quá trình học tập của sinh viên.

Từ khóa: phương pháp tự học; kỹ năng quản trị thời gian; phương pháp đào tạo

ABSTRACT

Self-study methods are widely used at universities over the world. This study implements the exploration of time management skills, time allocation of 300 students at Hanoi University of Industry for their daily activities especially time for self-study and research. Research shows that students now spend less time learning by themselves but mainly in the classroom and entertainment needs. Accordingly, the author has proposed some recommendations to promote the application of self-study methods in their learning process.

Keywords: self-study method; time management skill; training methods

¹Khoa Kế toán - Kiểm toán, Đại học Công nghiệp Hà Nội

*E-mail: thanhbinh171@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/01/2018

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 12/05/2018

Ngày chấp nhận đăng: 15/06/2018

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay, chương trình đào tạo theo tín chỉ được áp dụng tại các trường đại học và cao đẳng, vì vậy phương pháp tự học của sinh viên đóng vai trò quan trọng. Sinh viên cần có thời gian chuẩn bị, nghiên cứu nội dung để có thể trao đổi, tiếp thu kiến thức khi đến giảng đường. Với thời gian 24 giờ trong ngày, sinh viên cần quản lý, sử dụng thời gian như thế nào để có thể cân bằng giữa việc học, nghiên cứu và các nhu cầu cá nhân nhằm phát triển được toàn diện bản thân. Qua đây có thể thấy được vai trò của kỹ năng mỗi cá nhân sinh viên có ảnh hưởng lớn đến thành quả cá nhân mà sinh viên đạt được.

Kỹ năng là một trong ba khía cạnh đánh giá năng lực cá nhân. Kỹ năng được chia thành các cấp độ chính như: bắt chước, ứng dụng và vận dụng sáng tạo (Dave, 1975). Sự thiếu hụt về kỹ năng làm việc của lao động tồn tại hiện nay gây ra những khó khăn cho quá trình sản xuất, làm giảm hiệu quả, hiệu suất của quá trình sản xuất, kinh doanh.

Việc nâng cao khả năng tự học sẽ giúp cho sinh viên phát triển khả năng, thúc đẩy thái độ tích cực tự học tập, nghiên cứu. Ưu điểm của phương pháp tự học như: giảm chi phí đào tạo, sinh viên có thể tự học với khoảng không gian riêng, với nhiều loại phương tiện học tập (Certforums, 2012). Các trường đại học, cao đẳng được trang bị hệ thống cơ sở vật chất như thư viện hoặc các trang học trực tuyến như Futurelearn.com, edx.org... hoặc các khóa học trực tuyến, miễn phí, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên tích lũy kiến thức và tham dự các kỳ thi để đạt các chứng chỉ quốc tế. Tuy nhiên, khả năng tự học của sinh viên chưa đạt được yêu cầu đề ra, 60% sinh viên đại học chưa đáp ứng được yêu cầu về khả năng tự học, mặc dù sinh viên đã nhận thức được về vai trò quan trọng của khả năng tự học, tuy nhiên còn thiếu kỹ năng lập kế hoạch tự học cho bản thân (Tien Phong, 2014).

Phương pháp tự học của sinh viên chịu ảnh hưởng lớn bởi kỹ năng quản trị thời gian của sinh viên. Theo Hellsten (2012) (trích dẫn bởi Lakein, 1973), quản trị thời gian được mô tả qua các thuật ngữ bao gồm: tính tự giác, cân bằng, linh hoạt và sự kiểm soát về thời gian. Macan và cộng sự (1990), đưa ra khái niệm về quản trị thời gian, bao gồm: việc thiết lập mục tiêu, cơ chế quản lý thời gian và sự tổ chức, ghi chú lại các chi tiết, việc cần làm chính. Trần Thị Thùy (2014), đã đưa ra khái niệm, "kỹ năng quản lý thời gian là sự vận dụng những tri thức về quản lý thời gian để thực hiện hoạt động quản lý thời gian nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc, tránh lãng phí thời gian. Mỗi cá nhân đều có 24 giờ mỗi ngày và họ cần phải biết tìm ra khung thời gian thích hợp để hoàn thành các mục tiêu của bản thân (Randel, 2010). Randel (2010), cũng đã gợi ý các kỹ thuật và chiến lược nhằm giúp cá nhân có thể sử dụng tối đa 24 giờ mỗi ngày một cách hiệu quả.

Theo Nguyễn Công Tâm (2014), quản lý thời gian hiệu quả bao gồm: thiết lập mức độ ưu tiên các việc cần làm, sắp

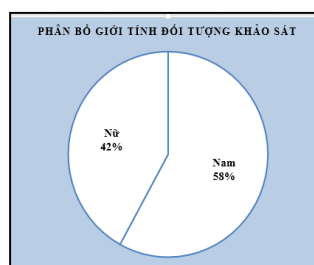
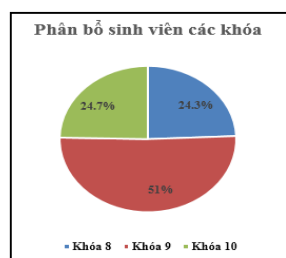
xếp công việc và đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Ngọc và Thắm (2017), đã chỉ ra rằng kỹ năng quản lý thời gian của sinh viên có ảnh hưởng đến kết quả học tập của họ. Do đó, để nâng cao chất lượng đào tạo thì những giải pháp cải thiện kỹ năng quản trị thời gian, tác động đến khả năng tự học của sinh viên là rất quan trọng. Một số nghiên cứu đã đề xuất khuyến nghị liên quan đến chủ đề này như: cụ thể hóa yêu cầu về kỹ năng trong tiêu chuẩn đầu ra của các cơ sở đào tạo, khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động như nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp (Hoàng Thị Kim Oanh và cộng sự, 2016); tham gia các hoạt động Đoàn, hội giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng (Hoàng Thị Kim Oanh và cộng sự, 2016; Nghĩa, 2017).

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm tìm hiểu việc sử dụng quỹ thời gian, kỹ năng quản trị thời gian của sinh viên tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng quản trị thời gian giúp cho sinh viên có thể ứng dụng nhiều hơn phương pháp tự học, tự nghiên cứu và các giải pháp từ phía Nhà trường, Khoa và giảng viên trong việc tạo môi trường, điều kiện để sinh viên tự học.

2. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm về sự phân bố số lượng đối tượng khảo sát theo các khoa

Khoa	SL	Tỷ lệ	Khoa	SL	Tỷ lệ
Kế toán - Kiểm toán	24	8%	Cơ khí	47	15,7%
Quản lý kinh doanh	17	5,7%	Công nghệ ô tô	36	12%
Máy và Thiết kế thời trang	24	8%	Điện và Điện tử	45	15%
Du lịch	30	10%	Công nghệ thông tin	36	12%
Ngoại ngữ	24	8%	Công nghệ Hoá học	17	5,7%



Hình 1. Đặc điểm về sự phân bố số lượng đối tượng khảo sát theo giới tính và khóa học

Áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, để xây dựng biến nghiên cứu. Biến Kỹ năng quản trị thời gian được xây dựng dựa theo Nguyễn Công Tâm (2014), gồm 3 tiêu chí đánh giá về mức độ ưu tiên các việc cần làm, sắp xếp công việc, mức độ hoàn thành công việc. Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để đo lường các tiêu chí: 1 điểm tương ứng với câu trả lời là Không bao giờ thực hiện; 2 điểm tương ứng với câu trả lời là Hiếm khi thực hiện; 3 điểm tương ứng với câu trả lời là Ít thực hiện; 4 điểm tương ứng với câu trả lời là Thường xuyên thực hiện; 5 điểm tương ứng với câu trả lời là Luôn luôn thực hiện. Biến Phân bố thời gian trong ngày cho các hoạt động được chia theo tỷ lệ % với khung thời gian 24h trong ngày là 100% (Randel, 2010).

Đối tượng khảo sát là sinh viên chính quy đang học tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ bảng hỏi được thiết kế gồm hai phần: thông tin cá nhân và khảo sát ý kiến của sinh viên về kỹ năng quản trị thời gian, thực trạng phân bố thời gian cho các hoạt động, trong đó có hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Áp dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên tại cơ sở 1 và cơ sở 2 của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, thu về 345 phiếu và đưa vào phân tích 300 phiếu sau khi loại bỏ các phiếu trả lời không hợp lệ. Dữ liệu thu thập được phân tích thông qua nghiên cứu phần mềm Excel.

Một số đặc điểm của dữ liệu nghiên cứu thu thập được như giới tính, khoa chuyên môn, khóa học... được thể hiện ở bảng 1 và hình 1. Với đặc điểm khảo sát tại cơ sở 1 và cơ sở 2 của Trường, đối tượng sinh viên năm thứ nhất không tham gia vào khảo sát. Số lượng sinh viên Khóa 9 (năm thứ 3) tham gia vào khảo sát nhiều nhất, chiếm tỷ lệ 51% trên tổng số sinh viên tham gia. Giới tính của đối tượng tham gia khảo sát phân bố khá đồng đều với 58% là nam và 42% là nữ.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Kỹ năng quản trị thời gian của sinh viên

Kết quả đánh giá theo thang điểm Likert 5 mức độ về kỹ năng quản trị thời gian của sinh viên (bảng 2) cho thấy, kỹ năng quản trị thời gian của sinh viên hiện nay chưa tốt. Sinh viên đã biết sắp xếp và có sự ưu tiên giữa các công việc, tuy nhiên, mức độ hoàn thành công việc nhận được đánh giá không cao. Giá trị trung bình của tiêu chí Sắp xếp công việc cao hơn các tiêu chí còn lại. Giá trị trung bình của hoạt động Nhờ người khác làm những việc mình không cần tự làm thấp (mean = 2,78). Với 24 giờ mỗi ngày, các cá nhân cần loại bỏ những việc không cần thiết để tập trung thời gian cho những việc quan trọng hơn. Nhóm tiêu chí Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của sinh viên có giá trị trung bình rất thấp, cụ thể như tiêu chí Tick vào những việc đã hoàn thành trong kế hoạch để ra có giá trị mean = 2,77; Tô màu những mục quan trọng cần làm tiếp có giá trị mean = 2,37; Viết nhật ký, đánh giá việc đã làm có giá trị mean = 2,01 hay Quy đổi các việc đã làm, mean = 2,62.

Như vậy, kết quả nghiên cứu đã cho thấy, sinh viên chú trọng vào thực hiện công việc hơn là lập kế hoạch cho công việc và đã có ý thức quan tâm đến việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc. Kết quả nghiên cứu cũng đã chỉ ra ưu điểm trong kỹ năng quản trị thời gian của sinh viên, như: có sự ưu tiên các việc cần làm, ưu tiên các công việc quan trọng lên trước; tuy nhiên, còn hạn chế ở việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc, về sắp xếp công việc cụ thể là chia sẻ công việc với người khác, nhờ làm những việc không cần thiết để tập trung vào mục tiêu chính của mình. Đây là những hạn chế cần khắc phục để sinh viên sử dụng thời gian trong quỹ thời gian 24 giờ mỗi ngày của mình hiệu quả hơn.

Thực trạng sử dụng thời gian của sinh viên

Kết quả thống kê về sự phân bố thời gian (%) trong ngày (24 giờ) cho các hoạt động (bảng 3) được đánh giá

Bảng 2. Trích kết quả khảo sát về kỹ năng quản trị thời gian của sinh viên

Nội dung	Giá trị trung bình (Mean)
1. Về mức độ ưu tiên các việc cần làm	
<i>1.1. Việc quan trọng làm trước</i>	
Các công việc bạn làm việc là những công việc có mức ưu tiên cao nhất	3,42
Ưu tiên công việc trong danh sách phải làm, phải thực hiện	3,46
Bị mất tập trung khi đang làm các công việc quan trọng hoặc bị gián đoạn	3,27
<i>1.2. Kết thúc từng việc một</i>	
Khi bạn hoàn thành 1 công việc xong, bạn mới bắt tay vào công việc mới	3,48
Bạn hay làm nhiều việc cùng lúc, luân phiên thay đổi để đỡ chán và cho rằng hoàn thành nhanh hơn	3,30
<i>1.3. Chia nhỏ công việc</i>	
Các công việc của bạn luôn ở tình trạng “nước đến chân mới nhảy”	3,31
Bạn chia công việc thành từng giai đoạn nhỏ để hoàn thành	3,28
Bạn hay cảm thấy “ngán” vì khối lượng công việc quá nhiều	3,34
2. Về sắp xếp công việc	
Làm ngay các công việc hôm nay, không để đến ngày mai	3,54
Loại bỏ các công việc không cần thiết	3,67
Tạo kế hoạch hay thời gian để hoàn thành công việc sau này	3,76
Nhờ người khác làm những việc mình không cần tự làm, để dành thời gian cho việc quan trọng hơn	2,78
3. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc	
Lập danh sách tất cả các công việc cần làm (hàng ngày, tuần). Tick vào những việc đã hoàn thành trong kế hoạch để ra	2,77
Chia chi tiết kế hoạch thành các mục: Mục học, mục làm việc, mục giải trí... tô màu ghi chú những mục quan trọng cần làm tiếp	2,37
Viết nhật ký, đánh giá việc đã làm so với dự định ban đầu	2,01
Quy đổi các việc đã làm ra “tiền” hay “giá trị cuộc sống” xem mình đã đạt được bao nhiêu mỗi ngày	2,62

Bảng 3. Sự phân bổ thời gian (%) trong ngày cho các hoạt động

Hoạt động	Mức TB của các khoa	KTKT	QLKD	May - TKTT	Du lịch	Ngoại ngữ	Cơ khí	CN Ô tô	Điện, ĐT	CNTT	CN Hóa
Thời gian học trên lớp (chính khoá, có giáo viên hướng dẫn)	32,3	39,2	34,1	35,2	32,0	30,8	38,9	32,5	30,3	33,1	32,1
Thời gian tự học (thư viện, học nhóm, tự học ở nhà...)	14,9	15,6	9,4	15,6	13,7	17,1	11,7	17,8	14,4	12,6	12,9
Đoàn thể, văn nghệ, thể thao (Đoàn, hội, câu lạc bộ...)	7,1	3,5	3,8	10,6	8,5	8,1	11,6	5,0	5,0	6,1	6,8
Truy cập internet (xem film, chat, đọc tin...)	19,1	18,1	22,1	18,1	21,3	19,8	11,1	17,2	20,8	19,3	20,8
Nhu cầu cá nhân và các hoạt động khác (làm thêm, kinh doanh...)	26,5	23,5	30,6	20,4	24,5	24,2	26,7	27,5	29,5	28,9	27,4
Tổng cộng	100%										

Bảng 4. Số giờ phân bổ cho các hoạt động khi truy cập internet

Hoạt động	KTKT	QLKD	May -TKTT	Du lịch	Ngoại ngữ	Cơ khí	CN Ô tô	Điện, ĐT	CNTT	CN Hóa
Đọc tin tức kinh tế, chính trị, xã hội... .	0,646	0,471	0,708	0,567	0,625	0,489	0,792	0,733	0,528	0,529
Xem video, đọc tin tức giải trí qua các trang: Youtube, zing... .	1,542	1,853	1,333	1,367	1,604	1,511	1,875	2,033	1,544	1,694
Nói chuyện với bạn bè, người thân qua mạng xã hội: Facebook, zalo... .	1,542	1,853	1,688	1,617	2,021	1,898	2,222	1,556	1,814	1,729
Tham gia các nhóm về học tập, nghề nghiệp qua: mạng xã hội, học trực tuyến	0,854	0,529	0,542	0,667	0,792	0,500	0,236	0,578	0,628	0,471

theo hai tiêu chí: sự phân bổ thời gian cho các hoạt động (%) và số giờ dành cho các hoạt động cho thấy, ngoài thời gian dành cho nhu cầu cá nhân và các hoạt động khác, sinh viên dành phần lớn thời gian trong ngày cho việc học trên lớp với tỷ lệ trung bình của các khoa là 32,3%; tiếp theo là thời gian phân bổ cho hoạt động truy cập internet với mức

trung bình là 19,1%; tuy nhiên, thời gian phân bổ cho hoạt động tự học, tỷ lệ trung bình của các khoa chỉ ở mức 14,9% thấp hơn cả thời gian dành cho hoạt động truy cập internet để xem film, chat, đọc tin tức. Điều này cho thấy, sinh viên hiện nay chưa chú trọng và có kỹ năng phân bổ thời gian cho khả năng tự học, tự nghiên cứu hay tham gia các hoạt

động xã hội bên cạnh hoạt động học tập chính khóa, vui chơi giải trí trên internet.

Việc ứng dụng công nghệ vào học tập, nghiên cứu là thiết yếu và phổ biến hiện nay. Thông qua đó, sinh viên có thể tham gia các hội nghề nghiệp, học hỏi các tình huống, hay tham gia các khóa học miễn phí trên các website uy tín. Tiêu chí Truy cập internet của sinh viên nhằm tìm kiếm tài liệu, xu hướng học tập đã được sinh viên áp dụng. Số giờ phân bổ cho các hoạt động khi truy cập internet (bảng 4) cho thấy, sinh viên tập trung vào các hoạt động giải trí nói chung với kết quả trung bình khoảng gần 05 giờ mỗi ngày, trong đó dành từ 1,3 đến 2 giờ mỗi ngày cho việc xem video, đọc tin tức giải trí và dành từ 1,5 đến 2,2 giờ mỗi ngày cho việc trao đổi, nói chuyện với người thân; trong khi đó, thời gian sử dụng internet cho mục đích học tập chỉ từ 0,2 đến 0,8 giờ mỗi ngày. Như vậy, sinh viên hiện dành quá ít thời gian trong ngày cho việc tự nghiên cứu, tự học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng internet trong học tập, tự nghiên cứu rất phổ biến trên thế giới, nhưng chưa được sinh viên Việt Nam nói chung, sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng vận dụng hiệu quả trong học tập mà chủ yếu là mục đích giải trí.

4. KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu trên đã cho thấy, đối với việc học tập theo tín chỉ, sinh viên nên dành thời lượng cho việc tự học, tự nghiên cứu nhiều hơn. Việc tự nghiên cứu giúp sinh viên bổ sung thêm kiến thức chuyên môn và ngoài xã hội, đáp ứng với sự phát triển không ngừng trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0. Phương pháp tự học, tự nghiên cứu được hầu hết các nước phát triển áp dụng trong quá trình giảng dạy, dựa vào kết quả nghiên cứu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy khả năng tự nghiên cứu, áp dụng phương pháp tự học cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội để nâng cao kết quả học tập, năng lực bản thân như sau:

Một là, cải thiện kỹ năng quản trị thời gian. (i) Có thái độ, nhận thức đúng về việc tự học, tự nghiên cứu, việc quản trị quỹ thời gian như lập thời khóa biểu các công việc cần làm, phân bổ thời gian cho từng hoạt động, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên dành nhiều hơn thời gian hơn cho tự học, tự nghiên cứu, loại bớt những việc không cần thiết và có thể nhờ người khác làm để tập trung vào mục tiêu chính là học tập, nghiên cứu. Sắp xếp khoa học giúp sinh viên tránh mệt mỏi và sử dụng hiệu quả thời gian trong ngày. (ii) Cần có sự đánh giá về kết quả thực hiện công việc. Sau khi hoàn thành kế hoạch, cần đánh dấu các công việc đã đạt được, ghi chú công việc chưa hoàn thành cần làm tiếp, đánh giá lại công việc đã thực hiện, và có thể quy đổi những mục tiêu đã hoàn thành theo một thước đo đánh giá.

Hai là, có phương pháp tự học. (i) Làm quen và hình thành phương pháp tự học, tự nghiên cứu; tích cực sử dụng thư viện cho việc học tập của cá nhân, học nhóm, học online; tận dụng những lợi thế về khoa học công nghệ phục vụ cho việc học tập. Cơ sở vật chất của Nhà trường hiện đại, tiện lợi như hiện nay là điều kiện thuận lợi để sinh

viên có thể học tập, nghiên cứu. (ii) Phân bổ thời gian cho việc truy cập internet một cách hợp lý, thay vì mục đích để xem các clip giải trí, tin tức... nên quan tâm, tham gia các hội nghề nghiệp, truy cập các trang tin tức chuyên ngành giúp bổ sung kiến thức, có thêm các kiến thức xã hội hữu ích. (iii) Đăng ký tài khoản học trực tuyến trên một số website học trực tuyến miễn phí như Futurelearn.com, Edx, Coursera, Khan Academy, MIT OpenCourseway... (iv) Bên cạnh đó, cần phân bổ thời gian tham gia các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường, xã hội để bổ sung, rèn luyện các kỹ năng mềm như tham gia hoạt động tình nguyện, hoạt động xung kích, câu lạc bộ học tập...

Về phía Nhà trường và các khoa chuyên môn, tác giả đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất, đặc biệt là Thư viện phục vụ việc tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Cần có sự phối hợp giữa Trung tâm Thư viện và các khoa chuyên môn. Đề xuất danh mục tài liệu cần bổ sung, cập nhật vào đầu năm học để bộ phận thư viện chuẩn bị. Đầu kỳ học, giảng viên sẽ giới thiệu tài liệu cho sinh viên tự nghiên cứu, chuẩn bị bài. Việc này sẽ tạo thói quen cho sinh viên tự nghiên cứu, sử dụng tài liệu, cơ sở vật chất có hiệu quả.

Nội dung bài giảng dạy cần phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trên lớp. Dựa trên đề cương chi tiết môn học và giáo trình, giảng viên sẽ bố trí nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy để cao tính chủ động của sinh viên như tổ chức trao đổi trên lớp, đặt câu hỏi về nhà để sinh viên tự nghiên cứu.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên nâng cao kỹ năng quản trị thời gian và phương pháp tự học như: Chương trình sinh hoạt đầu năm yêu cầu sinh viên lập kế hoạch học tập và phát triển bản thân trong từng kỳ hoặc trong năm học. Đồng thời, phối hợp với Đoàn, Hội, câu lạc bộ của các khoa tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hay các buổi tọa đàm giúp sinh viên chia sẻ phương pháp tự học, nâng cao kỹ năng, hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch học tập và phát triển bản thân. Cuối kỳ, sinh viên tự đánh giá kết quả thực hiện và trao đổi với các sinh viên khác trong câu lạc bộ để đưa ra những mục tiêu mới.

5. KẾT LUẬN

Áp dụng phương pháp khảo sát, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng về kỹ năng quản trị thời gian, việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Sinh viên đã biết lập kế hoạch, có sự ưu tiên các công việc cần làm, tuy nhiên, kỹ năng đánh giá công việc đã thực hiện còn hạn chế, phân bổ thời gian cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu còn quá ít, đồng thời chưa tận dụng những lợi thế về công nghệ để phục vụ cho hoạt động học tập, nghiên cứu. Để giải quyết vấn đề, thay đổi phương pháp dạy và học là rất quan trọng cần thực hiện trong quá trình đổi mới chương trình đào tạo theo hướng giảng dạy tích cực. Sự thay đổi cần được thực hiện từ cả hai phía, người dạy và người học. Người dạy cần đặt người học vào vị trí trung tâm của việc giảng dạy, phát huy tính tích cực

của người học. Trong khi đó, người học cần chủ động trong học tập, nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch học tập cho bản thân và tìm kiếm các phương tiện và tài liệu học tập hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Certforums, 2012. Self Study vs Classroom study, truy cập ngày 14/07/2017.<<http://www.certforums.com/threads/self-study-vs-classroom-study.47602/>>.
- [2]. Dave, R.H., 1975. Developing and Writing Behavioral Objectives. (R. J. Armstrong, ed.), Tucson, Arizona: Educational Innovators Press.
- [3]. Hellsten L. M., 2012. What Do We Know About Time Management? A Review of the Literature and a Psychometric Critique of Instruments Assessing Time Management, Interested in publishing with InTechOpen?.
- [4]. Hoàng Thị Kim Oanh, Trần Thị Hằng, Đặng Thị Sen, 2017. Nhận thức về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên ngành quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lâm nghiệp. Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp số 1-2017, 150-159.
- [5]. Lakein, 1973. How to get control of your time and your life. New York: Wyden.
- [6]. Macan, Shahani, Dipboye, Phillips, 1990. College students' time management: Correlations with academic performance and stress. Journal of Educational Psychology, Vol 82(4), Dec 1990, 760-768.
- [7]. Nghĩa, T., 2017. Developing generic skills for students via extra-curricular activities in Vietnamese Universities: Practices and influential factors. Journal of Teaching and Learning for Graduate employability, 8(1), 22-39.
- [8]. Ngọc Hà, 2017. Người lao động thiếu hụt nghiêm trọng nhiều kỹ năng, truy cập ngày 17/06/2017.<<http://tuoitre.vn/tin/giao-duc/20170228/nguoi-lao-dong-thieu-hut-nghiem-trong-nhieu-ky-nang/1272170.html>>.
- [9]. Nguyễn Công Tâm, 2014. Kế toán kiểm toán trong kinh doanh, giáo trình môn F1 ACCA. Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- [10]. Randel, J. (2010). The Skinny on Time Management: How to maximize your 24-hour gift. RAND publishing, CT, USA.
- [11]. Phan Thị Ngọc, Phạm Thị Thắm, 2017. Nghiên cứu khả năng quản trị thời gian đến kết quả học tập của sinh viên Đại học Công nghiệp Hà Nội. Báo cáo sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
- [12]. Tien Phong, 2014. 60% of University of students cannot meet self-study requirements, truy cập ngày 14/07/2017. <<http://english.vietnamnet.vn/fms/education/118915/60--of-university-students-cannot-meet-self-study-requirements.html>>.
- [13]. Trần Thị Thùy, 2014. Phát triển kỹ năng sử dụng phương tiện quản lý thời gian cho sinh viên dựa trên nguyên lý Pareto, truy cập ngày 14/07/2017. <<http://daihocantrao.edu.vn/nghien-cuu-khoa-hoc/phat-trien-ki-nang-su-dung-phuong-tien-quan-li-thoi-gian-cho-sinh-vien-dua-tren-nguyen-ly-pareto-216.html>>.